

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BTECH VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI BTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109523216

**3. Ngày thành lập:** 05/02/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 20A, Ngõ 71, Đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975099695

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                        | 2592        |
| 2.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                              | 3311        |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                          | 3312        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                              | 3313        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                              | 3314        |
| 6.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                           | 3315        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                              | 3319        |
| 8.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                             | 3320        |
| 9.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                            | 4221        |
| 10. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                 | 4222        |
| 11. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311        |
| 12. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy<br>(Điều 43 Nghị định 79/2014/NĐ-CP) | 4329        |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330(Chính) |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 19. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4653 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                | 4663 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy. (Điều 45 Nghị định 79/2014/NĐ-CP)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 25. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4741 |
| 26. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4742 |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 29. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                               | 4784 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9511 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9512 |
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9521 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9522 |
| 34. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9523 |
| 35. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9524 |
| 36. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9529 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN BẮC | Thôn Ngo, Xã Chuyên Mỹ, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | 1.900.000.000         | 95,000    | 001095019968                                                                                                                                      |         |

|   |                   |                                                                                       |             |       |           |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|--|
| 2 | PHẠM ĐỨC<br>THÀNH | Đội 7, Thôn Đồng<br>Tái, Xã Thống Kênh,<br>Huyện Gia Lộc, Tỉnh<br>Hải Dương, Việt Nam | 100.000.000 | 5,000 | 142784142 |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN BẮC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *09/06/1995*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001095019968*

Ngày cấp: *26/04/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Ngô, Xã Chuyên Mỹ, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 20A, Ngõ 71, Đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội